

Số: 26/KH-BCA-TCAN

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2018

VĂN PHÒNG UBND T. LANG SON

Số: 637
Ngày: 28/02/18
Chuyên:

KẾ HOẠCH

**Kiểm tra việc chấp hành các quy định
của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018**

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao và để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bảo vệ bí mật nhà nước (BMNN) trong tình hình mới, Bộ Công an xây dựng Kế hoạch kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN năm 2018 như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Đánh giá đúng thực trạng việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước của các bộ, ban, ngành và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là đối tượng kiểm tra); đề xuất, kiến nghị các biện pháp khắc phục, xử lý theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong bảo vệ BMNN; phòng chống âm mưu, hoạt động thu thập BMNN của các thế lực thù địch và đối tượng xấu.

3. Quá trình kiểm tra không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của đối tượng kiểm tra.

II. Đối tượng, thời gian và nội dung kiểm tra

1. Đối tượng kiểm tra

Đoàn kiểm tra của Bộ Công an sẽ tiến hành kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN đối với 15 bộ, ngành và địa phương, gồm:

- Văn phòng Chính phủ, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Giao thông vận tải, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

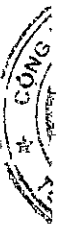
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Quảng Ninh, Lạng Sơn, Vĩnh Phúc, Nghệ An, Đồng Nai, Tiền Giang, Khánh Hòa, Tây Ninh, Hải Phòng và Đà Nẵng.

2. Thời gian kiểm tra

Dự kiến thời gian kiểm tra như sau:

- Quý II/2018: Bộ Y tế, UBND tỉnh Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Tây Ninh và Tp Đà Nẵng.

- Quý III/2018: Bộ Giáo dục và đào tạo, UBND tỉnh Lạng Sơn, Nghệ An, Khánh Hòa và Tiền Giang.



- Quý IV/2018: Văn phòng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải, UBND tỉnh Đồng Nai và Tp Hải Phòng.

3. Nội dung và phạm vi kiểm tra

- Nội dung kiểm tra theo Đề cương hướng dẫn (*kèm theo*).
- Phạm vi kiểm tra: Từ ngày 01/01/2016 đến thời điểm kiểm tra.

III. Tổ chức thực hiện

1. Giao Tổng cục An ninh chủ trì theo dõi, hướng dẫn thực hiện Kế hoạch này; đề xuất thành lập các Đoàn Kiểm tra và chuẩn bị văn bản phục vụ kiểm tra.

2. Các đơn vị, địa phương là đối tượng kiểm tra chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức tự kiểm tra tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình, báo cáo Đoàn Kiểm tra theo Đề cương hướng dẫn; cử cán bộ làm đầu mối liên lạc với Đoàn Kiểm tra sau khi nhận được Quyết định kiểm tra.

3. Đề nghị các đơn vị, địa phương là đối tượng kiểm tra tạo điều kiện bố trí nơi ăn, nghỉ, làm việc và phương tiện đi lại để Đoàn Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ.

Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị liên hệ với Tổng cục An ninh (Cục An ninh Chính trị nội bộ, SĐT: 069.2343859) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Đ/c Bộ trưởng Tô Lâm (để b/c);
- Các đơn vị, địa phương tại Mục 1, Phần II của Kế hoạch này (để phối hợp t/hiện);
- TCAN (để t/hiện);
- Lưu: VT, TCAN(A83).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Thượng tướng Bùi Văn Nam

ĐỀ CƯƠNG HƯỚNG DẪN

**Báo cáo việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN
đối với các bộ, ban, ngành và UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**
(Kèm theo Kế hoạch số 26 /KH-BCA-TCAN, ngày 12 tháng 2 năm 2018 của Bộ Công an)

I. Công tác quán triệt, triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN

1. Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai công tác bảo vệ BMNN tại các bộ, ngành, địa phương (ghi rõ văn bản nào và chuẩn bị bản giấy cung cấp Đoàn kiểm tra).

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, nâng cao ý thức, trách nhiệm trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN (các hình thức tuyên truyền: mở hội nghị, phổ biến trong cuộc họp, sao gửi văn bản; số lượng cơ quan, đơn vị, cán bộ... được phổ biến; nhận thức sau phổ biến...).

3. Ban hành quy chế về công tác bảo vệ BMNN của các bộ, ngành, địa phương; văn bản quy định độ mật cụ thể của từng tin, tài liệu, vật mang BMNN; quy định việc sử dụng các thiết bị thông tin liên lạc để truyền đưa BMNN.

II. Kết quả thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN

1. Việc rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung danh mục BMNN hàng năm.

2. Xác định độ mật; thực hiện các quy định bảo mật trong soạn thảo, phát hành và quản lý văn bản, tài liệu, hồ sơ, vật mang BMNN:

- Việc thống kê số lượng văn bản, tài liệu, hồ sơ, vật mang BMNN được cơ quan, đơn vị phát hành theo từng năm (số liệu cụ thể: Bao nhiêu Tuyệt mật; bao nhiêu Tối mật và bao nhiêu Mật).

- Việc đảm bảo an toàn trong soạn thảo văn bản có nội dung BMNN, như: Phương tiện soạn thảo, lưu giữ, in ấn, photocopy...; việc xác định và đề xuất độ mật cho văn bản, vật mang BMNN; ghi tên người soạn thảo, số lượng, phạm vi phát hành.

- Việc lấy số, vào sổ đăng ký văn bản mật đi, đóng dấu độ mật, dấu ký hiệu độ mật, đóng bì, chế độ nộp lưu tại văn thư của cơ quan, đơn vị.

- Việc bảo quản tin, tài liệu, vật mang BMNN tại nơi làm việc.

3. Thực hiện giải mật, giảm mật, tăng mật tài liệu, vật mang BMNN do các bộ, ngành, địa phương soạn thảo, phát hành.

4. Thực hiện quy định trong việc giao nhận, sao chụp, quản lý hồ sơ, tài liệu mật đến

- Công tác thống kê hàng năm về tổng số văn bản, tài liệu, vật mang BMNN do bộ, ngành, địa phương tiếp nhận từ các nơi gửi đến (số liệu cụ thể: Bao nhiêu Tuyệt mật; bao nhiêu Tối mật và bao nhiêu Mật).

- Việc vào sổ đăng ký văn bản mật đến, ký nhận sổ chuyển giao văn bản mật, thực hiện quy trình xử lý, quản lý văn bản mật đến.

- Việc thực hiện thẩm quyền sao chụp tài liệu mật.

5. Bảo vệ BMNN trong thông tin, liên lạc: Việc truyền thông tin BMNN trong nội bộ, các loại mạng nội bộ, công thông tin điện tử, truyền hình trực tuyến được sử dụng trong nội bộ cơ quan và vấn đề bảo vệ BMNN.

6. Thực hiện quy định về phổ biến, cung cấp, tiêu hủy tin, tài liệu, vật mang BMNN; mang tài liệu, vật mang BMNN đi công tác trong nước và nước ngoài:

- Việc cung cấp tài liệu BMNN cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (thẩm quyền, trình tự, thủ tục cung cấp).

- Việc tiêu hủy tin, tài liệu, vật mang BMNN (thẩm quyền, trình tự, hình thức, phương thức tiêu hủy...).

- Mang tài liệu, vật mang BMNN đi công tác trong nước và nước ngoài (thẩm quyền cho phép, bảo quản tin, tài liệu trong quá trình công tác).

7. Việc kiện toàn Ban chỉ đạo công tác bảo vệ BMNN ở địa phương; việc xác định khu vực cấm, địa điểm cấm và cấm biển cấm; việc xây dựng nội quy, quy định và tổ chức các biện pháp đảm bảo an toàn địa điểm cấm, nơi thường xuyên tiến hành các hoạt động có nội dung BMNN, như: Nơi lưu giữ hồ sơ, tài liệu mật; in, sao tài liệu mật ... tại các bộ, ngành, địa phương.

8. Công tác kiểm tra, sơ kết, tổng kết; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo định kỳ, đột xuất (tiến hành bao nhiêu cuộc kiểm tra đối với bao nhiêu cơ quan, đơn vị; tồn tại, hạn chế phát hiện sau kiểm tra; có bao nhiêu đề xuất, kiến nghị sau kiểm tra...).

9. Bố trí cán bộ, đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ công tác bảo vệ BMNN

- Việc bố trí đơn vị chủ trì giúp bộ, ngành, địa phương theo dõi công tác bảo vệ BMNN và bố trí cán bộ quản lý, theo dõi công tác bảo vệ BMNN tại các đơn vị (chuyên trách hoặc kiêm nhiệm; chất lượng, năng lực, trình độ); thực hiện ký cam kết bảo vệ BMNN.

- Bố trí nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu mật; trang bị tủ, két chuyên dụng, máy tính, thiết bị lưu giữ, máy xén tài liệu (số liệu cụ thể: Bao nhiêu máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính nối mạng Internet, công wifi, máy photocopy, máy fax, USB, CD, DVD, ổ cứng di động, máy in...).

- Trang bị, quản lý, sử dụng các loại dấu bảo mật tại mỗi cơ quan, đơn vị.

- Trang bị, quản lý, sử dụng các loại sổ quản lý tài liệu mật theo quy định; thiết lập phần mềm quản lý, thông kê tài liệu mật đi và đến.

10. Công tác xử lý vụ việc lộ, lọt BMNN: Tổng số vụ, việc lộ, lọt BMNN; diễn biến vụ, việc và độ mật của tài liệu lộ, lọt; cơ quan, đơn vị, cá nhân làm lộ, lọt; việc xử lý, khắc phục hậu quả...

11. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác bảo vệ BMNN theo Thông tư số 110/2013/TT-BCT ngày 14/8/2013 của Bộ Tài chính.

III. Nhận xét, đánh giá và kiến nghị, đề xuất

1. Nhận xét, đánh giá

- Về ưu điểm.
- Về tồn tại, hạn chế, sai phạm.
- Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế, sai phạm.

2. Khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất

- Khó khăn, vướng mắc.
- Kiến nghị, đề xuất./

CT NAM